

SỞ Y TẾ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH Y KHOA
Số: 240/TB-GĐYK

*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v: Công khai giá thu dịch vụ Khám sức khỏe năm 2025

Căn cứ nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Trung tâm Giám định y khoa thông báo công khai giá thu của dịch vụ khám sức khỏe theo danh mục đính kèm.

Thời gian áp dụng: **kể từ ngày 02/01/2025.**

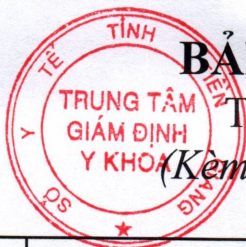
Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Ban giám đốc;
- Phòng TC-TC-KT;
- Phòng khám giám định;
- Lưu.



Nguyễn Minh Tâm



BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH

Theo Nghị quyết 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2024

(Kèm theo Thông báo số 240/TB-GĐYK ngày 30/12/2024)

Stt	Danh mục	Giá (VNĐ)
1	Khám sức khỏe toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ,...	160.000
2	Giá khám bệnh	36.500
3	Siêu âm ổ bụng	58.600
4	Siêu âm doppler mạch máu	252.300
5	Siêu âm doppler tim	252.300
6	Điện tim thường	39.900
7	Đo chức năng hô hấp	144.300
8	Siêu âm tử cung phần phụ	58.600
9	Siêu âm tuyến giáp	58.600
10	Siêu âm tuyến vú hai bên	58.600
11	Chụp X-quang ngực thẳng	64.300
12	Đo thính lực đơn âm	49.500
13	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	43.500
14	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	13.400
15	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	30.200
16	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	22.400
17	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22.400
18	Định lượng Acid Uric [Máu]	22.400
19	Định lượng Creatinin (máu)	22.400
20	Định lượng Glucose [Máu]	22.400
21	Định lượng Urê máu [Máu]	22.400
22	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	33.600
23	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28.000
24	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000
25	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000
26	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28.000
27	Đường máu mao mạch	16.000
28	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	20.000
29	Định lượng HbA1c [Máu]	105.300

30	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	67.300
31	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	67.300
32	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	61.700
33	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	44.800
34	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	44.800
35	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	44.800
36	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	44.800
37	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]	44.800
38	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28.600
39	HIV Ab test nhanh	58.600
40	HCV Ab test nhanh	58.600
41	HBcAb test nhanh	65.200
42	HBeAb test nhanh	65.200
43	HBsAb test nhanh	65.200
44	HBeAg test nhanh	65.200
45	HBsAg test nhanh	58.600
46	Helicobacter pylori Ag test nhanh	171.100
47	HIV Ag/Ab test nhanh	107.300
48	Hồng cầu trong phân test nhanh	71.600
49	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	41.700
50	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	45.500
51	Đơn bào đường ruột soi tươi	45.500
52	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	45.500
53	Trichomonas vaginalis soi tươi	45.500
54	Trứng giun soi tập trung	45.500
55	Trứng giun, sán soi tươi	45.500
56	Vi nấm nhuộm soi	45.500
57	Vi nấm soi tươi	45.500
58	HAV Ab test nhanh	130.500
59	HEV Ab test nhanh	130.500
60	HEV IgM test nhanh	130.500
61	Vi hệ đường ruột	32.500
62	Vi khuẩn nhuộm soi	74.200